

Cổ tích hiện đại: "Cô bé bán diêm"

của Hans Christian Andersen (1846)

Lê Huy Bắc

1. Nhân vật duy nhất

Tác phẩm chỉ có một nhân vật. Đây là cô bé bán diêm. Cô bé không có tên. Người kể dùng ngay công việc (bán diêm) để gọi tên nhân vật. Cách đặt tên này đã cho thấy dụng ý: nhấn mạnh nỗi thống khổ của một con người, còn bé mà phải đi bán diêm để kiếm sống. Hoàn cảnh và cuộc đời ấy thật đáng thương tâm. Không có tên, em bé ấy sẽ mang giá trị ẩn dụ lớn. Em đại diện và gợi nhớ đến vô vàn các em bé nghèo khổ như em.

Ngoài cô bé, truyện còn nhắc đến ba người thân trong gia đình em là bà, bố và mẹ. Những nhân vật này không được miêu tả trực tiếp trong tác phẩm mà chỉ được kể gián tiếp qua trang phục (bé đi giày của mẹ), suy nghĩ (về bố) và tưởng tượng (về bà). Người kể chỉ nhắc đến mẹ em bé qua chi tiết em đi lại giày của mẹ mà không nói rõ người mẹ ấy đã qua đời hay đi lấy chồng khác. Dẫu sao đi nữa thì em bé ấy cũng không có mẹ và kí ức của em chẳng hề lưu giữ kỉ niệm nào về mẹ. Người em yêu thương nhất là bà. Người em sợ nhất là cha. Nhưng bà em đã qua đời. Cảnh ngộ gia đình em thật thương tâm. Em sống cùng cha, người mà lúc nào cũng hiện lên trong tâm trí em với vẻ khủng bố, hung dữ. Truyện mở ra với tình huống gay cấn. Em bé không bán được diêm nên không dám về nhà.

2. Ngôi nhà và quá khứ

Song ngôi nhà ấy không phải là ngôi nhà ấm cúng. Nó lạnh lẽo, tồi tàn không chỉ vì thiếu vắng tình người mà bản thân nó cũng đã dột nát tả tơi. Gọi là nhà nhưng khoảng không mà cha con em bé sở hữu là một gian phòng áp mái, nơi dành cho những người thuê nghèo đến cùng tận. Đây là tâm trạng của em bé: “Và lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà”.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh khổ, con người rồi sẽ quen đi và không có cảm giác quá nặng nề trước những khổ ải mà họ phải hứng chịu. Nhưng đang sống trong ngôi nhà ấm áp, đầy ấp tình thương, đầy đủ về vật chất mà lại bị ném ra đường bơ vơ tự kiếm sống trong thời tiết lạnh giá thì quả thật là quá khủng khiếp. Em bé bán diêm lại ở trong hoàn cảnh nghiệt ngã đó. Tình cảnh của em thật đáng thương tâm. Những người thân yêu lần lượt bỏ em đi. Cha em lại trở nên độc ác. Em không bán được diêm và thậm chí ngay cả đến ngửa tay ăn xin em cũng chẳng có được gì: “không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về”.

Thế gian này đã hoàn toàn lạnh lẽo đối với em. Gia đình là cả chốn ngục tù. Nhà em lạnh lẽo giống như ngoài đường phố. Xã hội không chấp nhận, cư mang một mảnh hình hài đối rét khốn cùng như em. Ở đây tác giả đã sử dụng biện pháp tăng cấp nhằm đưa em bé đến giới hạn tột cùng của nỗi bất hạnh, của sự sống. Thông thường, trong truyện cổ tích, trước cảnh ngộ đó Bụt sẽ hiện lên cứu giúp con người khốn khổ. Thế nhưng câu chuyện phảng phất dư vị cổ tích này lại không phát triển theo hướng đó. Sẽ không có cái kết thúc có hậu dành cho số phận con người. Bởi lúc này, con người trở nên ích kỉ hơn, đầy toan tính hơn.

Dấu ấn hiện đại được đan cài trong tình huống có vẻ như cổ tích ấy là tác giả để cho nhân vật vượt qua giới hạn của sự sống, đến với cõi chết. Một cái chết thê lương trên nền tuyết trắng. Nền tảng cho tính hiện đại ấy là tác giả tiếp tục giữ sự tương phản đã nêu ngay đầu chuyện: một em bé nghèo khổ bơ vơ giữa trời giá lạnh, giữa xã hội không chút tình người.

Thời điểm xảy ra bước ngoặt giữa sự sống, cái chết của em bé, mĩa mai thay, được đặt vào đêm giao thừa. Khung cảnh của đêm giao thừa thì chắc ai cũng biết. Người đi xa tìm về nhà. Không khí gia đình ấm áp, tung bừng, bận rộn. Người người đi mua sắm nhộn nhịp phố phường... Nhưng đêm giao thừa là đêm bất hạnh của em bé, không chỉ bây giờ mà ngay cả trước đó: “đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh”.

Khoảng cách thời gian về đêm giao thừa hạnh phúc năm xưa đến đêm giao thừa bất hạnh năm nay ắt hẳn chưa phải lâu lắm. Bởi lẽ em bé còn nhớ rất rõ không khí và mùi vị của đêm giao thừa: “Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn” và “trong phố sực nức mùi ngỗng quay”. Những hình ảnh đó cứ lặp lại năm này sang năm khác, trở thành những tín hiệu bất di bất dịch của phong tục cổ truyền. Thế nhưng, trên cái nền yên ả tràn ngập ánh sáng và mùi vị quyến rũ đó, Andersen dựng lên một sự tương phản: em bé phải ngồi ngoài đường giá lạnh đón giao thừa.

3. Lời kể nương theo dòng tâm trạng

Khoảng cách không gian từ nhà ra đường thì ngắn ngủi nhưng khoảng cách tâm trạng thì thật xa vời vô cùng. Em bé ý thức được điều đó và người kể lại nắm bắt ngay được dòng nội tâm đó để kể lại cho chúng ta câu chuyện đầy thương cảm. Hầu hết câu chuyện được kể nương theo dòng tâm trạng của em bé. Người đọc có thể dễ dàng nhận ra những tín hiệu người kể đang “đọc” suy nghĩ của cô bé bán diêm:

- Chẳng là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa...
- Và lại ở nhà cũng rét thế thôi...
- Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhi?...
- Thật là dễ chịu!...

Có khi người kể còn trực tiếp tái hiện cả lời độc thoại của cô bé lên trang sách: – Chắc hẳn có ai vừa chết, em bé tự nhủ.

Nhờ cách kể này mà người đọc có thể tiếp xúc rõ hơn với cảnh ngộ chua xót của em bé:

- “Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùì vào một chút”.
- “Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn”.
- “Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm...”.

Cách kể luôn tuân thủ nguyên tắc từ xa đến gần. Thoạt tiên là khung cảnh đêm giao thừa, tiếp đến là em bé ngồi trong góc tường, rồi miêu tả em chống cái rét bằng cách “thu chân vào người”.

Những tưởng em đỡ rét thì người kể liên tiếp đưa ra hai liên từ hàm ý phản nghĩa:

- Co chân *nhưng* vẫn lạnh hơn
- Lạnh hơn *tuy nhiên* (nhưng) em không thể về nhà...

Người kể vẫn giữ nguyên bút pháp tương phản theo lối tăng cấp. Nếu câu trên chỉ thông báo em bé bị lạnh thì câu dưới ngầm ẩn cái lạnh ấy sẽ tăng thêm vì em không được phép về nhà. Ở câu trên ta cứ ngỡ em bé là kẻ lêu lổng và nguyên nhân em bị lạnh là do em. Nhưng câu dưới đã cho ta biết rõ nguyên nhân khiến em bé lạnh: không phải vì em mà vì cha em (nhất định là cha em sẽ đánh em) và vì cả cái xã hội nhộn nhịp giàu có kia lãnh đạm trước tấm hình hài bé bỏng rét buốt (không ai bố thí cho một đồng xu).

Đến đây ta thấy thân phận cô bé bán diêm hiện lên trong một khung cảnh đối chọi khốc liệt. Một mình cô bé, áo không đủ ấm, đói không có gì ăn, phải chống chọi lại cả khối lạnh lẽo bủa vây từ mọi phía: cái lạnh của nhà em, cái lạnh từ tình cảm cha con, cái lạnh của người trên phố và cái lạnh của giá rét thời tiết. Trong tình cảnh đó, ánh sáng đèn điện và mùi ngỗng quay xuất hiện không những không làm giảm nỗi đói lạnh của em mà còn khiến cái đói lạnh trong em tăng đến tận cùng. Nghệ thuật tương phản ở đây được sử dụng đắc địa:

- Ánh sáng đèn điện trong nhà ấm áp > < Đêm tối ngoài trời giá lạnh.
- Mùi ngỗng quay thơm phức > < Cái đói còn cào.

Đêm tối, giá lạnh và cái đói, đằng sau là không lối về, chỉ có bức tường lạnh lẽo, lối thoát duy nhất của em bé lúc này là ao ước và mộng tưởng về thế giới khác nơi không còn nỗi đói khổ giày vò em.

Lối kể nương theo tâm trạng của nhân vật đến đây phát huy hết sức mạnh của nó. Xuất phát từ ý tưởng quẹt que diêm để sưởi cho đỡ rét, người kể cho chúng ta thấy giữa đói và rét, cái rét còn khủng khiếp hơn. Tuy nhiên, ta cũng không loại trừ lôgic thật của truyện vì lúc này trong tay em bé chỉ còn mấy bao diêm. Sức cảm dỗ của hơi ấm quả thực lớn: “Cuối cùng em đánh liều quẹt một que”. Điều kì diệu vẫn chưa xảy ra. Chỉ có lối miêu tả hiện thực rất sinh động làm nền cho những gì xảy ra sau đó: “Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt”.

Tác giả dùng đến bốn tính từ để miêu tả ngọn lửa: xanh lam, trắng ra, rực hồng, sáng chói. Xu thế miêu tả là nhằm xóa mờ tính chất thực của ngọn lửa (biến đi, trắng ra, rực, chói) để làm cơ sở cho ảo giác xuất hiện: “Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa hơi nóng dịu dàng”.

Quả là lôgic, hơi ấm từ ngọn lửa diêm gợi cho cô bé cảm giác được ngồi trước lò sưởi. Sự tưởng tượng đó cũng là dấu hiệu đẩy lùi em bé bán diêm từ từ rời thế giới thực tại bước sang thế giới hư ảo của mình. Quá trình xâm nhập ấy được đánh dấu bằng lời cảm thán: “Chà! Ánh sáng kì dị làm sao!”. Nếu chỉ hơi ấm không thôi thì chưa chắc ảo giác xuất hiện. Vì ảo giác gắn với thị giác nên tác giả phải viện dẫn đến ánh sáng (nhưng phải là ánh sáng *kì dị*) thì sau đó lò sưởi mới hiện ra. Bút pháp tả thực được vận dụng nghiêm ngặt trong sự miêu tả này. Đúng hơn là có sự đan cài giữa lời miêu tả tâm trí bên trong với lời miêu tả hành động bên ngoài của cô bé (đoạn in nghiêng là lời miêu tả hành động bên ngoài): “Thật là dễ chịu! *Đôi bàn tay em lơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngọn cái nóng bỏng lên.* Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bắc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao!”

4. Ngọn lửa diêm: thực tế và mộng tưởng

Lời kể xen kẽ này có tác dụng rất lớn để đưa người đọc xâm nhập vào thế giới mộng tưởng của nhân vật. Sự chuyển biến từ thế giới bên ngoài vào thế giới tâm trạng của em bé được dẫn dắt dần dần. Người kể đôi lúc dừng lại, nhắc về cảnh ngộ thực tại của em bé: “Em bàn thân cả người và chột nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm”. Thực tế đó càng tăng thêm phần nghiệt ngã với em bé và vì thế càng thôi thúc em tìm đến với chốn bình yên: *cõi mộng ảo*. Ngay sau khi que diêm cháy hết, “lò sưởi biến mất”, em lại tiếp tục quẹt diêm để được sưởi ấm, để được sống trong bầu không khí ấm áp dễ chịu. Các lần quẹt diêm và hiệu quả mà nó mang lại được miêu tả như sau:

Lần	Thế giới mộng tưởng	Thực tế
1	Lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.	Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất... Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.
2	Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa... tiến về phía em bé.	Trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo... chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả,... phổ xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu,... khách qua đường, hoàn toàn lãnh đạm với em.
3	Một cây thông Nô-en lộng lẫy hàng ngàn ngọn nến sáng rực, nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ.	Diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.
4	Bà em đang mỉm cười với em. Em xin được đi cùng bà.	Diêm tắt và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.
5	Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà nắm tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên.	Em bé chết.

Truyện có nhiều hơn năm lần quẹt diêm bởi bốn lần đầu mỗi lần em bé chỉ quẹt một que. Riêng lần thứ năm, em quẹt liên tục hết cả bao diêm. Mục đích của lần quẹt cuối cùng này là để giữ ảo ảnh lại. Vì qua ánh sáng của que diêm, em bé được gặp bà, được nói chuyện với bà, bởi “em muốn níu bà lại”. Như thế ánh sáng từ ngọn lửa que diêm đảm nhận hai chức năng: vừa *sưởi ấm* (chức năng này không quan trọng vì ngọn lửa diêm thì quá nhỏ nhoi trước trời tuyết mênh mông) và vừa *thắp sáng lên thế giới mộng ảo*, cái thế giới mang lại hạnh phúc cho em. Nhưng rồi khi cháy hết, que diêm tắt, em bé chỉ còn lại bóng đêm và nỗi ngỡ ngàng hiu quạnh. Những trạng từ được sử dụng kèm theo trạng từ “tắt” càng làm tăng thêm nỗi hụt hẫng kia: “lửa vụt tắt”, “que diêm vụt tắt”, “que diêm tắt phụt”. Bốn lần thắp lửa, bốn lần lửa tắt, bốn lần ảo ảnh hạnh phúc vụt qua nhanh. Để níu giữ hư ảnh, diêm phải liên tục được đốt lên tỏa sáng. Niềm hạnh phúc của em bé cũng chỉ nhỏ nhoi như ngọn lửa diêm trong mịt mùng số phận của đêm giao thừa buốt giá. Điều nghịch lí ở đây là: hư ảnh càng được giữ lại, càng rõ nét bao nhiêu thì linh hồn em bé (nếu như có linh hồn), sự sống của em bé càng leo lét, càng rời xa thể xác, xa sự sống bấy nhiêu.

Cuối cùng ngọn lửa ước mơ đã mang em theo cùng bà, người duy nhất em đầu yêu, người duy nhất mang lại hạnh phúc cho em trên cõi đời. Cái chết ấy là sự giải thoát. Khi trần gian là chốn khổ ải vô bờ thì hạnh phúc con người chỉ có được là ở thế giới bên kia.

Toàn bộ câu chuyện là bức tranh sáng tối của một cuộc đời. Điểm khép mở hay cũng chính là vùng giao thoa kia chập chờn theo ngọn lửa diêm tỏa sáng. Trước khi quẹt diêm em bé đã ở vào cảnh ngộ mất bà, mất nhà, mất đêm giao thừa với cây thông Nô-en, phải lang thang dưới trời giá lạnh. Sau khi quẹt diêm, quá trình mất mát đó lại được bù đắp theo chiều ngược lại: diêm sáng, lò sưởi hiện lên, ngỗng quay hiện lên, cây thông Nô-en hiện lên, bà em hiện lên...

Theo lôgic của dòng vận động ấy, ta cứ ngỡ em bé sẽ tìm được hạnh phúc, sẽ thấy được phép màu của câu chuyện cổ tích hiện ra. Nhưng nếu tỉnh táo một chút ta thấy tất cả bao thứ kia đều không thật. Chúng chỉ là sản phẩm từ trí tưởng tượng của một con người đói lạnh, bơ vơ.

Nhưng có một sự thật nghiệt ngã hơn bao sự thật đấy là trong niềm hạnh phúc hoang tưởng đó, em bé bán diêm vĩnh viễn ra đi. Lần này nỗi hững hờ trong chuyện không để dành cho em bé mà giáng xuống người đọc, gây tiếc nuối xót xa.

5. Các kiểu lời văn

Nghệ thuật kể chuyện của Andersen rất tài tình. Không chỉ nương theo tâm trạng nhân vật để từng bước dẫn người đọc vào miền hư ảo mà ông còn tái hiện cả lời nói thành tiếng của em bé để góp phần thể hiện tính cách: Lời độc thoại, lời đối thoại và cả lời người bà đã mất được người kể dẫn trực tiếp qua lời em bé.

Như thế, người kể đã sử dụng nhiều kiểu lời văn, phong phú và rất linh hoạt. Để tiện theo dõi, chúng tôi lập bảng thống kê sau:

TT	Kiểu lời văn	Nội dung
1	Lời miêu tả cảnh vật	Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực... tuyết vẫn phủ kín mặt đất...
2	Lời miêu tả tâm trạng	Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bắc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi thì khoái biết bao.
3	Lời độc thoại	Chắc hẳn có ai vừa chết.
4	Lời đối thoại (một chiều)	“Bà ơi! – em bé reo lên, – cho cháu đi với... Đạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà...” – “Chắc nó muốn sưởi cho ấm”.
5	Lời dẫn trực tiếp lời của người bà	“Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế”.

Chúng tôi đã tập trung phân tích ba kiểu lời trên, hai kiểu lời còn lại, chúng tôi sẽ tiếp tục làm sáng tỏ trong mối quan hệ với nhân vật chính.

6. Em bé và “mọi người”

Em bé bán diêm là nhân vật chính trong truyện. Điểm độc đáo là, toàn thiên truyện, ngoài nhiều người (người kể dùng cụm từ *mọi người*) xuất hiện ở cuối truyện, còn lại chỉ có một mình em bé, một nhân vật cho toàn bộ câu chuyện! Nếu nhà văn cứ để người kể một mình kể lại các sự việc liên quan đến em bé thì ắt hẳn câu chuyện sẽ nhàm chán vô cùng. Nhằm khắc phục điều đó, Andersen luôn để nhân vật hồi tưởng về quá khứ. Khi kỉ niệm hiện lên, nhà văn không ngần ngại tái hiện ngay dòng suy nghĩ đó lên trang giấy. Điển hình là đoạn em bé reo lên với bà, người đã qua đời: “xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này; trước kia, khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao!... Cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu”.

Việc đưa nhiều kiểu lời văn vào tác phẩm không chỉ tạo sự hấp dẫn, chân thực mà còn góp phần giúp người đọc nắm bắt ngay được tính cách, tâm lí của nhân vật. Suốt cả câu chuyện, không một lần tác giả trực tiếp miêu tả sự ngoan ngoãn hiếu thảo của em bé, nhưng người đọc vẫn nhận ra nét đáng yêu đó từ em qua sự suy tưởng của em về quá khứ, về những hình ảnh hư ảo hiện ra sau ngọn lửa diêm và cụ thể, chính em thừa nhận mình ngoan qua lời cầu khẩn với bà: “Đạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi!”. Như vậy, nếu em bé được gặp lại bà thì chứng tỏ em bé ngoan. Và quả thực em đã gặp được bà, được đi cùng bà, được thỏa mãn ước nguyện.

Những tưởng em bé hạnh phúc nhưng kì thực đây là con người nhỏ bé bất hạnh nhất. Còn gì phản nhân văn hơn khi con người không khao khát sống mà lại đi ao ước được chết và được thỏa mãn ước nguyện chết ấy? Andersen không phải là nhà văn tàn nhẫn. Ông đã đan cài vào sau sự thỏa mãn phi nhân đạo kia một cái nhìn, một tiếng nói phê phán sâu sắc sự bất nhân mà xã hội dành cho em bé bán diêm.

Và ông cũng không trực tiếp xuất hiện (thông qua lời kể hay lời của bất kì một nhân vật nào đó) để nói lời phản bác hay bày tỏ thái độ xót xa trước cái chết thê thảm của em bé. Lại vẫn là ai đó nói, không có danh tính, “*Mọi người* bảo nhau: – Chắc nó muốn sưởi ấm!”. Sự tồn tại của xã hội xung quanh em bé là *mọi người*: số đông, ẩn dụ cho cả khối băng lạnh trong lương tri con người. Thì ra, không phải cái giá lạnh của một đêm chuyển mùa (đêm giao thừa chuyển từ mùa đông sang mùa xuân) giết chết em bé mà chính cái lạnh trong tâm hồn, đạo đức của mọi người kia đã giết chết em. Họ không hề quan tâm, không hề thấu hiểu ngay cả khi em chết.

Thế giới thực, thế giới con người đã hoàn toàn lạnh lẽo với em. Sự chịu đựng của con người tuy lớn lao nhưng bao giờ cũng có giới hạn. Tại thời điểm vạn vật trên trái đất đang âm thầm chuyển mình đón chào những tia nắng của mùa hồi sinh mới thì em bé phải vĩnh viễn ra đi, chìm trong đêm tối tăm buốt lạnh của độ đông tàn. Nghệ thuật tương phản của tác giả đã gieo vào lòng người đọc bao nỗi xót xa, căm phẫn, đã hàm chứa trong nó cái nhìn mỉa mai của một áng văn đậm màu cổ tích.

Việc người bà nắm tay cháu bay lên là sự giải thoát, là niềm hạnh phúc ta thường gặp trong thế giới cổ tích. Nhưng kiểu kết thúc có hậu của truyện cổ tích là nhân vật bất hạnh được hưởng hạnh phúc, niềm vui sướng ngay tại cõi trần. Sự thay đổi địa vị cuộc sống của nhân vật cổ tích được diễn ra trong sự ngưỡng mộ của mọi người về chân lí thiện thắng ác. Còn kiểu kết thúc có hậu, (ta vẫn có thể gọi như thế) của Andersen là hạnh phúc ở thiên đường nơi chẳng có ai chứng kiến để tôn

vinh chuyện ở hiền gặp lành. Sự ra đi của em bé, khát vọng được chết của em là lời lên án sâu sắc nhất cái xã hội phi nhân bản kia.

7. Em bé với nụ cười và đôi má hồng

Cũng vẫn là những hình ảnh tương phản qua lời kể: một bên là khung cảnh thiên nhiên đầy ánh sáng và mọi người, một bên là cảnh ảm đạm của xó tường và em bé:

1. “Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhạt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.
2. “Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em bé gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa”.

Hai đoạn văn trên được miêu tả theo bút pháp tương phản nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc dựa vào tâm trạng của nhân vật. Ở đoạn 1, người kể nhìn thế giới xung quanh theo tâm trạng của mọi người. Những người này vui vẻ trong ngày đầu xuân nên vạn vật qua cảm nhận của họ là mặt trời “trong sáng”, “chói chang”. Trái lại, ở đoạn 2, khi kể lại chuyện em bé “đã chết vì giá rét” thì người kể lại cảm nhận “trong buổi sáng ấy” cái “lạnh lẽo” của tiết trời. Đặt song song hai cảnh đời bên nhau, Andersen càng tô đậm thêm nỗi bi đát của em bé và sự hững hờ của người đời.

Và ngay câu đầu tiên của đoạn tiếp theo (đoạn cuối), người kể đã chốt lại không khí của hai đoạn vừa nêu bằng câu văn thấm đẫm tình yêu thương dành cho đứa trẻ mồ côi xấu số: “Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm”. Và tái hiện diện mạo em bé khi đã chết bằng hình ảnh trong sáng, thiên thần: “Đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”. Theo đó, hình dáng “ngày mồng một đầu năm” sẽ là đôi má hồng và đôi môi mỉm cười. Em bé đã trở thành biểu tượng của một năm mới với khát vọng có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Andersen vững tin vào điều đó nên để cho em ra đi trong hạnh phúc, cái hạnh phúc mà em phải tự tạo cho mình trên thế gian, vì “chẳng ai biết cái điều kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”.

Điểm dừng của niềm cảm thông, tin tưởng vào hạnh phúc ở thế giới bên kia của câu chuyện cũng chính là điểm mở ra những vấn đề chua chát, thấm sâu trong tận cõi nhân sinh. Chẳng một ai thấu hiểu em bé. Chẳng ai biết niềm mong ước của em: “Chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa”. Em chẳng biết tìm đâu ra lời giải đáp. Và mĩa mai thay, lời nguyện ước của em chỉ có được khi ở thế giới bên kia: từ cõi chết.

Lê Huy Bắc